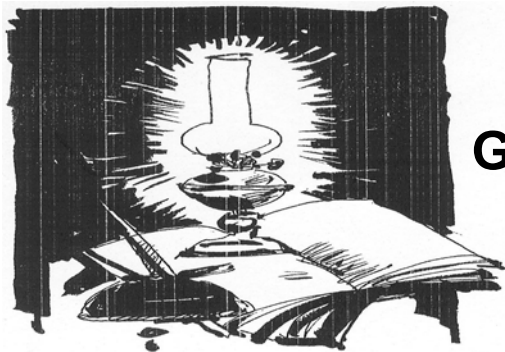


**Nghiên cứu luật pháp:**



# **CÁC VỤ THÔNG DÂM VÀ GIÁ THÚ TỘC NỘI TRIỀU TRẦN**

Tạ-quốc-Tuân  
(*để hoài niệm g.s. Vũ-văn-mẫu  
nhân dịp lễ giỗ thứ 11, 1998-2009*)

Trong lịch sử Việt-nam, nhà Trần (1225-1400) là một vương triều rất đặc biệt. Chúng ta không thể nào không thán phục tài giữ nước vẹn toàn của nhà Trần đã không để cho giang sơn rơi vào tay ngoại bang qua ba lần bị quân Nguyên Mông xâm lăng vào các năm 1257, 1283-1285 và 1287-1288, mặc dù từ thời Thành-cát-tư Hãn (1167?-1227) rất nhiều quốc gia lớn hơn nước Việt, từ Á sang Âu, nhất là Trung-quốc, đã bị quân Mông-Cổ chinh phục<sup>(1)</sup>. Vương-triều này lại còn lừng danh vì các thành tựu văn học và tôn giáo, nhất là về Phật-giáo, đã đem lại vẻ vang cho nước nhà.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể nào không biết đến một mâu thuẫn hết sức quan trọng trong lãnh vực pháp luật của nhà Trần. Đó là tình trạng các tội trộm cắp, nô tì bỏ trốn, con nợ không trả được nợ, đánh bạc, v.v., vốn là khinh tội, thì luật pháp lại trừng phạt quá ư nghiêm khắc, đến độ tàn khốc; trái lại, luật pháp rất nới tay đối với những người coi nhẹ luân thường đạo lý, hiểu theo quan niệm Nho giáo, đặc biệt là những vụ thông dâm hay giá thú tộc nội trong hoàng tộc, khiến cho luật pháp dường như đã bị coi thường.

## **I. Các Qui Định của Luật Nhà Trần**

Thực vậy, theo luật nhà Trần, các nô tì trốn đi khỏi nhà chủ khi bị bắt đều bị chặt ngón chân và bị trao trả chủ cũ để chủ cũ toàn quyền định đoạt về sinh mệnh hay bị voi giày chết. Mặt khác, kẻ phạm tội trộm cắp thì bị thịch vào trán hai chữ "phạm đạo" (phạm tội ăn trộm) và phải bồi thường 9 phần 10 đồ vật đã lấy trộm. Nếu không bồi thường được sẽ bị tịch thu vợ con. Nếu tái phạm sẽ bị chặt tay chân hay bị voi giày. Tái phạm lần thứ ba sẽ bị xử tử. Hoặc là nếu con nợ không trả được nợ, chủ nợ có quyền tự ý giam cầm con nợ cho đến khi trả hết nợ, cả

vốn lẫn lộn. Nếu hoàn toàn không thể trả được nợ, con nợ phải đợ mình cho chủ nợ để làm việc lấy công chuộc nợ.

Ngược lại, khi một người đàn bà có chồng mà còn can tội ngoại tình thì chỉ bị phạt làm tì (đầy tớ gái) và người chồng có quyền tự do gả bán cho người khác. Như vậy, tuy tội ngoại tình là một trọng tội vì vi phạm đạo đức và trật tự xã hội nhưng hình phạt lại quá nhẹ. Lại có nhiều trường hợp kẻ can phạm không hề bị trừng phạt. Đó là các vụ thông dâm, hiếp dâm, loạn dâm, cưỡng dâm, cướp vợ, tiền dâm hậu thú, hay giá thú tộc nội trong hoàng thất nhà Trần. Tuy là trọng tội, kẻ phạm tội phần lớn không hề bị trừng phạt, trừ có một vụ kẻ phạm tội bị trừng phạt nhưng hình phạt lại quá nhẹ.

## II. Vài Ví Dụ Điển Hình

Chúng tôi xin kể vài thí dụ điển hình.

Trần-thủ-Độ, chú họ của Trần-Cảnh, tức vua Trần Thái-tông (1225-1258), vị vua đầu tiên nhà Trần, đã âm mưu với hoàng hậu của vua Lý Huệ-tông (1210-1224), là Thuận-Trinh (chết năm 1259), người họ Trần, để cho Trần-Cảnh lấy con gái của Lý Huệ-tông do bà sinh ra là Lý Chiêu-hoàng (1224-1225) rồi từ đó chiếm đoạt ngai vàng nhà Lý, sau đó ông còn cưỡng ép vua Lý Huệ-tông phải tự tử (năm 1226). Tiếp theo, ông giáng Thuận-Trinh hoàng hậu xuống làm Thiên-cực công chúa để ông lấy làm vợ. Hai người chẳng những đã tư thông với nhau từ trước, khi Thuận-Trinh còn là vợ vua Lý Huệ-tông, mà lại còn là hai chị em họ nữa: bà Thuận-trinh là con gái của Trần-Lý (ông nội của vua Thái-tông), còn Trần-thủ-Độ là con người em trai của Trần-Lý (sử sách không ghi tên người này).

Ngay chính vua Trần Thái-tông lúc đầu bị Trần-thủ-Độ ép lấy bà Lý Chiêu-hoàng để đoạt ngôi vua họ Lý, như đã nói bên trên, nhưng 12 năm sau, vì bà Lý Chiêu-hoàng (khi lấy vua Trần Thái-tông bà được phong làm Chiêu-thánh hoàng-hậu) vẫn chưa có con<sup>(2)</sup> nên Trần-thủ-Độ bắt vua Thái-tông bỏ bà, giáng bà xuống làm Chiêu-thánh công chúa, rồi ép vua Thái-tông lấy chị dâu là Thuận-thiên công chúa (chị ruột của Lý Chiêu-hoàng), vợ của anh ruột vua là An-sinh vương Trần-Liễu, lúc đó đã có mang ba tháng.

Về phần Hưng-đạo đại vương Trần-quốc-Tuấn, vị danh tướng đã nhiều lần đánh bại quân xâm lăng Nguyên Mông và đã gieo sạ hãi trong lòng người Trung-quốc miền Hoa-nam, cũng không thoát cảnh loạn luân. Vương là con trai của An-sinh vương Trần-Liễu và cháu (điệt) của vua Thái-tông. Năm 1251 vua Thái-tông đã hứa gả người chị lớn nhất của vua là Thiên-thành công chúa cho Trung-thành

vương (con trai của Nhân-đạo vương, nhưng sử sách không chép tên và thế thứ trong hoàng tộc). Trong khi công chúa đang ở dinh của Nhân-đạo vương, nhạc phụ tương lai, chờ ngày cử hành hôn lễ thì Trần Hưng-đạo, cháu của công chúa, vì cũng muốn cưới công chúa nhưng không làm thế nào được, bèn ban đêm lẻ vào phòng công chúa thông dâm. Hành động của ông bị Thụy-bà công chúa (một người chị khác của vua Thái-tông và là cô đồng thời cũng là mẹ nuôi của Trần Hưng-đạo) phát giác. Chẳng những vua Thái-tông đã không trừng phạt Trần Hưng-đạo mà còn lại cho phép lấy công chúa nữa. Trong vụ này, cháu (Hưng-đạo vương) đã thông dâm rồi lấy cô ruột (Thiên-thành công chúa).

Các vụ thông dâm hay giá thú tộc nội của dòng họ Trần còn có rất nhiều. Tuy nhiên các sử liệu chỉ kể một số trường-hợp thôi. Bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô-sĩ-Liên (gọi tắt: **Toàn Thư**) và **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** của Quốc sử quán triều Nguyễn (gọi tắt: **Cương Mục**) đã kể 1 vụ anh họ lấy em họ, 4 vụ em họ lấy chị họ, 1 vụ chú lấy cháu, và 3 vụ thông dâm khác.

Giá thú giữa anh họ và em họ là vụ vua Trần Minh-tông (1314-1329) đã lấy Huy-thánh công chúa, trưởng nữ của Huệ-vũ vương Trần-quốc-Chẩn, làm vợ, tức Lê-thánh hoàng hậu. Huệ-vũ vương là em ruột vua Trần Anh-tông (1293-1314), mà Anh-tông lại là cha của Minh-tông. Nói cách khác, Huệ-vũ vương là chú ruột của vua Minh-tông.

Giá thú giữa em họ và chị họ có nhiều hơn.

Vua Trần Thánh-tông (1258-1278), con trai của vua Thái-tông, khi còn là hoàng thái tử đã lấy con gái thứ năm của người bác ruột là An-sinh vương Trần-Liễu (cha của Trần Hưng-đạo và anh ruột của vua Thái-tông, như đã nói ở một đoạn bên trên) tên là Thiều làm Thiên-cảm phu nhân, rồi khi lên ngôi đã phong bà làm Thiên-cảm hoàng-hậu.

Con trai vua Thánh-tông là Trần-Khâm cũng theo gót cha. Khi còn là hoàng thái tử ông đã kết hôn với người chị họ là trưởng nữ của người bác, Trần Hưng-đạo, làm phi. Đến khi lên ngôi, tức là Trần Nhân-tông (1278-1293), vua đã phong cho bà làm Khâm-từ hoàng hậu.

Hoàng thái tử Trần-Thuyên, con trai vua Nhân-tông, tiếp tục con đường của ông và cha. Hoàng thái tử đã lấy chị họ là trưởng nữ của người bác, Hưng-nhượng vương Trần-quốc-Tảng (con trai thứ của Trần Hưng-đạo), làm phi và sau khi lên ngôi, tức vua Anh-tông (1293-1314), đã phong bà làm Văn-đức phu nhân. Tuy nhiên không bao lâu, vua Anh-tông lại phế bà đi, rồi lấy em gái bà làm Thánh-

tư phu nhân (sau phong làm Thánh-tư hoàng hậu). Trong cả hai trường hợp vua đã lấy chị họ.

Trần Phế-đế (1377-1388) thì lấy chị họ là Thiên-huy công chúa, con gái vua Nghệ-tông (1370-1372), bác của vua. Phế-đế là con trưởng của vua Duệ-tông (1372-1377), mà vua Duệ-tông là con thứ 11 của vua Minh-tông và em ruột của vua Nghệ-tông (vua Nghệ-tông là con thứ 3).

Vụ chú lấy cháu là trường hợp vua Trần Anh-tông gả con gái, Thiên-trân công chúa, cho người em họ vua là Uy-túc công Trần-văn-Bích. Bích là con trai của Trần-đạo-Tái và cháu nội của Chiêu Minh-vương Trần-quang-Khải, mà Chiêu-minh vương lại là con trai của vua Trần Thái-tông. Như vậy, Chiêu-minh vương là ông chú (thúc tổ phụ, ông trẻ) của vua Anh-tông và Trần-văn-Bích là chú họ (đường thúc phụ) đã lấy cháu gái (đường điệt nữ).

Về thông dâm thì có ba vụ đáng chú ý.

Thứ nhất là vụ vua Trần Dụ-tông (1341-1369) đã lấy Ý-từ công chúa, con gái thứ tư của Huệ-túc vương Trần-đại-Niên. Chẳng may vua bị bệnh liệt dương. Nghe lời một thầy lang Trung-quốc tên là Trâu-Canh<sup>(3)</sup>, vua ra lệnh giết một đứa bé trai lấy mật pha với dương khởi thạch để làm thuốc uống, rồi thông dâm với chị ruột là Thiên-ninh công chúa, vợ của Chính-túc vương Trần-Kham.

Mặt khác, Nhân-huệ vương Trần-khánh-Dư, con nuôi của vua Thái-tông, tuy là một tướng giỏi, đã có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lăng Nguyên Mông, nhưng lại mắc tội thông dâm với Thụy-thiên công chúa, vợ của Hưng-vũ vương Trần-Nghiễn (con trai trưởng của Trần Hưng-đạo). Vì việc này vua Trần Nhân-tông ra lệnh đánh chết Trần-khánh-Dư, nhưng thực ra ông chỉ bị đánh đòn qua loa, tước mọi quan chức và tịch thu tài sản. Ít lâu sau ông được phục quan tước.

Thứ ba là vụ rất nhiều người cho là tư thông giữa Huyền-trân công chúa, con vua Trần Nhân-tông và em vua Trần Anh-tông, với Trần-khắc-Chung. Nguyên vua Trần Anh-tông đã gả công chúa cho vua Chiêm-thành Chế-Mân để giữ lời hứa hôn của vua cha là Trần Nhân-tông. Sau khi lấy công chúa được một năm thì Chế-Mân chết. Theo tục của người Chiêm-thành, công chúa phải bị hỏa thiêu cùng chồng; nhưng nhà vua đã phái Trần-khắc-Chung và Đặng-Văn sang Chiêm-thành cứu công chúa. Trên đường về, Trần-khắc-Chung đã thông dâm với công chúa, lâu ngày mới trở về kinh sư<sup>(4)</sup>.

Trên đây là những vụ thông dâm và giá thú tộc nội của các người trong hoàng thất nhà Trần nên đã được sử sách ghi chép. Đáng tiếc là chúng ta không

rõ tình trạng này có xảy ra trong dân gian không và nếu có thì các người can phạm đã bị xử như thế nào.

### III. Các Giải Thích về Thái Độ của Luật Pháp Triều Trần

Cái gì đã làm cho triều Trần nhẹ tay đối với các vụ thông dâm và giá thú tộc nội? Đã có một số học giả trả lời câu hỏi này. Đáng chú ý nhất là thuyết của cố giáo sư Vũ-văn-Mẫu và thuyết của luật gia Nguyễn-Toại.

#### A. Thuyết Lý Do Quốc Thị của Cố Giáo Sư Vũ-văn-Mẫu

Trong các bài giảng văn tại Luật khoa Đại học đường Sài-gòn từ năm 1954, sau được đúc kết trong sách **CỔ LUẬT VIỆT-nam Thông Khảo và Tư Pháp Sử** (giáo sư tự xuất bản, Sài-gòn, 1974, q.1, t.1) giáo sư Thạc sĩ Luật-khoa Vũ-văn-Mẫu đã giải thích những hành động của các người trong hoàng thất nhà Trần bằng lý do quốc thị (raison d'État).

Theo giáo sư Vũ-văn-Mẫu, các hành động về phương diện luật pháp của nhà Trần đều không đi ra ngoài việc củng cố ngai vàng. Tất cả đều hướng về một mục đích: quốc thị, tức là quyền lợi của quốc gia do các vua nhà Trần thời bấy giờ biểu thị. Vì quốc thị mà các tội trộm cắp, phản loạn phải bị diệt trừ và uy quyền mới lập của nhà Trần cần phải được tôn trọng ngay. Bất cứ một sự vi phạm nào cũng cần phải được trừng trị bằng hình phạt nặng nề nhất, ác nghiệt nhất<sup>(5)</sup>. Mặt khác, cũng vì quốc thị mà khi nào quyền lợi đòi hỏi, nhà Trần đã không ngần ngại vượt khỏi các luật lệ do chính họ ban hành. Các vụ giá thú giữa các người trong hoàng tộc với nhau (giáo sư gọi là "*giá thú loạn luân*") nằm trong lý do này.

Điểm đáng chú ý là Phan-huy-Chú nói trong sách **Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí** rằng luật nhà Trần đại khái châm chước luật nhà Đường (618-907) và nhà Tống (960-1279) bên Trung-quốc<sup>(6)</sup>.

Nếu nhận xét này đúng thì nhà Trần đã chấp nhận các luật lệ về giá thú của người Trung-quốc, kể cả việc cấm giá thú giữa những người trong cùng một gia tộc. Sự cấm đoán này là một giáo điều quan trọng của Khổng giáo và đã được các nhà làm luật Trung-quốc công nhận từ thời nhà Hán (206 TCN- 9 SCN và 25-220) trong bộ **Cửu Chương Luật** do thừa tướng Tiêu-Hà soạn khoảng năm 200 TCN (thành hình thức nhất định khoảng năm 128 TCN). Trong khi đó thì các giá thú giữa những người thân thuộc trong hoàng thất nhà Trần là một việc rất thường xảy ra, gần như là một qui luật.

Giáo sư Vũ Văn Mẫu cho rằng nhà Trần khi ấy chỉ chú trọng vào có một điểm thôi là bảo vệ ngai vàng. Do đó, việc hôn nhân thường là giữa những người trong hoàng tộc Trần, nhất là vào những năm đầu của triều đại. Mục đích là để bảo đảm ngai vàng sẽ không bị người ngoài dòm ngó, cướp đoạt được.

Theo thiển ý của chúng tôi, thuyết lý do quốc thị của giáo sư Vũ-văn-Mẫu tuy hợp lý nhưng chưa giải thích đầy đủ tình trạng mâu thuẫn của luật lệ nhà Trần.

Việc bảo vệ ngai vàng của một dòng họ là một hiện tượng rất phổ biến. Chẳng riêng gì nhà Trần mà còn nhiều dòng họ khác cai trị Việt-nam từ ngày lập quốc (theo truyền thuyết là năm 2879 TCN) đến nay vẫn làm. Hiện tượng bảo vệ ngai vàng còn thấy có ở ngoại quốc nữa. Ngay chính hiện nay mặc dù nhiều nước đã thay chính thể quân chủ bằng chính thể dân chủ hay cộng hòa, việc bảo vệ quyền cai trị quốc gia của một chính đảng cũng không có gì khác. Mọi phương cách, mọi thủ đoạn, ngay cả bần thiêu nữa, cũng được thi hành không ngoài mục đích này. Sự khác biệt chỉ là về các phương pháp hay biện pháp áp dụng thôi.

Chúng ta có thể đồng ý với giáo sư Vũ-văn-Mẫu là vì nhu cầu bảo vệ quyền lợi của quốc gia do nhà Trần biểu thị, các tội phản loạn cần phải bị trừng phạt. Tội này rất nguy hại cho an ninh quốc gia, cho uy quyền của dòng họ đang cai trị. Tuy nhiên, thuyết lý do quốc thị lại không thể giải thích được tại sao các tội nhẹ như nô tì bỏ trốn, con nợ không trả được nợ, và ngay cả tội đánh bạc nữa, lại có thể bị trừng trị rất là khốc nghiệt? Các tội này đâu có xâm phạm đến an ninh và chủ quyền quốc gia, dân tộc, hay đến uy quyền, quyền lợi, ngai vàng của nhà Trần?

Lại nữa, việc trừng trị đến độ tàn khốc của nhà Trần có thể hiểu được vì mục đích là buộc mọi người dân trong nước phải tôn trọng ngay uy quyền mới lập của nhà Trần. Trái lại, tại sao sau khi ngai vàng đã bền vững, nhất là sau các cuộc chiến thắng quân xâm lăng Nguyên-Mông dưới tài lãnh đạo của vua quan nhà Trần, mọi người dân hết sức tin tưởng vào vương triều, mà các tội nhẹ vẫn bị trừng trị khốc nghiệt? Hình phạt đã không cân xứng với tội phạm.

Riêng về vấn đề thông dân và giá thú giữa những người trong hoàng thất Trần thì lý do quốc thị không vững cho lắm.

Nếu để duy trì ngai vàng thì chỉ có những người trong chi tộc đang cầm quyền mới có thể lấy lẫn nhau. Tại sao nhà Trần không cấm giá thú giữa những người thuộc các chi tộc khác khi họ không có quyền thừa kế ngai vàng? Chẳng hạn, Trần-thủ-Độ không có quyền thừa kế ngôi vua nhà Trần lại được quyền lấy chị họ là Thiên-cực công chúa, mặc dù công chúa đã từng là hoàng hậu của Lý

Huệ-tông; hay Trần Hưng-đạo không thuộc chi tộc trị vì, tại sao lại được quyền lấy cô ruột là Thiên-thành công chúa?

Thực ra nếu vì lý do bảo vệ ngại vàng mà nhà Trần cho phép giá thú giữa những người trong hoàng tộc, nhà Trần sẽ không bị chỉ trích hay lên án nếu giá thú được lập giữa những người họ xa hơn là những người họ rất gần, nhất là giữa anh chị em thúc bá, giữa cô cháu, chú cháu, và em chồng chị dâu.

Sau hết, những cuộc hôn nhân của các vua về cuối thời nhà Trần cho thấy không phải là chỉ vì mục đích bảo vệ ngại vàng. Lý do quốc thị không thể áp dụng cho các giá thú giữa vua Minh-tông và hai người cô của Lê-quí-Ly (sau đổi là Hồ-quí-Ly), giữa vua Duệ-tông và người em họ của Lê-quí-Ly, giữa vua Thuận-tông (1388-1398) và con gái lớn của Lê-quí-Ly. Trong ba vụ này các vua Trần đã lấy người ngoại tộc.

Nếu lý do quốc thị đã không biện minh thỏa đáng các vụ giá thú giữa những người trong Trần tộc, nó lại càng không phải là lý do chính đáng để giải thích các vụ thông dâm, hiếp dâm, cưỡng dâm, v.v., giữa những người trong hoàng thất với nhau hay do người trong hoàng thất gây ra.

## **B. Thuyết Tôn Trọng Pháp Luật của Luật Gia Nguyễn-Toại**

Trái với thuyết lý do quốc thị của giáo sư Vũ-văn-Mẫu, luật gia Nguyễn-Toại đã cố chứng minh là nhà Trần thực ra đã tôn trọng pháp luật.

Trong một bài biên khảo nhan đề "*Phê Bình Cổ Luật: Pháp Luật Trước Thời Bắc Thuộc và Triều Trần*" đăng trong **Tạp chí Đại Học** của Viện Đại học Huế (số 7, th. 1/1959, tr. 89-96), Nguyễn-Toại cũng đồng ý là theo luật xưa nay những người đồng tông không được lấy nhau. Lệ này có từ trong sách **Châu Lễ**<sup>(7)</sup>. Ở nước ta vua hay dân vẫn tuân theo. Nguyễn-Toại đồng ý với giáo sư Vũ-văn-Mẫu là vì thấy nhà Lý mất ngôi về tay ngoại thích (tức nhà Trần) nên nhà Trần đã để cho người tông thất họ Trần lấy lẫn nhau, nhất là vua phải lấy hoàng hậu cùng họ, mục đích để ngôi vua không lọt sang dòng họ khác được.

Tuy nhiên, Nguyễn-Toại đã bác ý kiến cho là các giá thú giữa những người trong Trần tộc đã vi phạm luật pháp quốc gia. Theo ông, đây là một lệ, có thể là gia pháp của họ Trần và gia pháp này biệt lập với quốc pháp. Ông cũng so sánh nó với gia pháp của nhà Mãn-Thanh (1644-1911) cấm các vua Thanh không được lấy đàn bà Hán tộc.

Cuối cùng, Nguyễn-Toại kết luận là khi một lệ đã được tôn làm gia pháp của một triều đại, lệ đó không phải là một tội với luật thường mà chính lại là một hành

vi hợp luật, tuy là một luật bất thường. Do đó, lệ nhà Trần theo trong việc hôn nhân tuy khác thể tục, nhưng là vì lệ riêng của hoàng tộc không ai được ngăn cản. Vì thế, suốt trong 175 năm họ Trần làm vua, nho thần cũng có rất nhiều vị chính trực mà không thấy sử chép vị nào chỉ trích sự đó cả.

Để trả lời lập luận của ông Nguyễn-Toại, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã vạch ra ba điểm không hợp lý.

Thứ nhất, trong sử không hề chép là gia pháp họ Trần đặt ra lệ cưới loạn luân. Phản chứng rõ rệt là các vua cuối triều Trần đã lấy vợ ngoài họ Trần.

Thứ hai, các vua nhà Mãn Thanh tuy đặt ra lệ không lấy vợ người Hán tộc, nhưng không làm giá thú loạn luân. Như vậy, hai trường hợp không thể so sánh được.

Thứ ba, chính tác giả Nguyễn-Toại cũng công nhận là nhà Trần đã lấy gương nhà Lý mất ngôi vì lấy ngoại thích nên đã để các người trong tông thất lấy lẫn nhau. Như vậy, quả nhiên vì lý do quốc thị để củng cố ngai vàng, nhà Trần đã giày xéo lên luật pháp và luân thường đạo lý.

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu còn nói thêm là chúng ta không thể nào bênh vực một quan điểm vi pháp và bại luân như vậy, mặc dù trong thời nhà Trần không có một nho thần nào dám lên tiếng chỉ trích.

Chúng tôi đồng ý với các điểm phê bình của giáo sư Vũ-văn-Mẫu vì các lý do sau:

Trước hết, lệ các người trong Trần tộc lấy nhau không phải là một gia pháp.

Thực vậy, ông Nguyễn-Toại không hề đưa ra một tài liệu hay bằng cứ nào chứng tỏ lệ này là gia pháp của họ Trần. Hơn nữa, sử sách trước và sau bài của ông Nguyễn-Toại cũng không hề ghi chép rằng lệ này là gia pháp của họ Trần, mà chỉ coi nó như là một lệ thôi. Nếu quả thực có một gia pháp như vậy, dù là bất thường, thì không có lý do nào các sử gia trong thời nhà Trần hay thời các vương triều kế tiếp, đã lại có thể bỏ qua không nói tới.

Chúng ta không thể nào tưởng tượng được là trong khi có rất nhiều dữ kiện không mấy quan trọng như là đẻ con hai đầu, bắt được kỳ thú, hay nhặt được di thảo còn được ghi chép trong sử mà một gia pháp quan trọng của dòng họ trị vì có ảnh hưởng đến luật pháp quốc gia và luân thường đạo lý lại không được sử gia nào, hầu hết là nho thần chịu ảnh hưởng sâu đậm của giáo lý Nho giáo chẳng



hạn Ngô-sĩ-Liên, tác giả bộ **Toàn Thư**<sup>(8)</sup>, lại im lặng, nhất là những vị không làm quan trong thời nhà Trần để mà có thể nói là vì sợ bị trừng trị hay bách hại.

Chúng ta cũng không thể nào nói được là có lẽ đã có một tài liệu (văn liệu, sử liệu...) đề cập tới gia pháp này nhưng tài liệu đó chẳng may cùng chung số phận với nhiều tài liệu khác đã bị chính quyền đô hộ Minh chiếm lấy mang về Trung-quốc trong thời gian 20 năm họ đô hộ nước Việt (1407-1427). Nếu quả thực đã có gia pháp đó, dù tài liệu thành văn có bị mất đi thì tài liệu truyền khẩu vẫn phải còn. Chúng ta còn nhớ rằng khi biên soạn bộ **Toàn Thư**, Ngô-sĩ-Liên đã căn cứ rất nhiều vào “*những việc nghe thấy truyền lại*”<sup>(9)</sup>, tức là tài liệu truyền khẩu. Nếu có gia pháp nhà Trần như ý nghĩ của ông Nguyễn-Toại thì Ngô-sĩ-Liên đã phải đề cập tới.

Lại nữa, nếu việc giá thú giữa những người trong cùng gia đình và dòng họ là gia pháp thì gia pháp đó phải được triệt để tuân thủ. Thế mà tại sao các vua Nghệ-tông, Duệ-tông và Thuận-tông, như đã nói ở một đoạn bên trên, lại không tuân thủ mà lại đi lấy người ngoại tộc (Lê tộc) để đến nỗi làm mất ngai vàng mà nhà Trần đã cố giữ hơn trăm năm qua các giá thú tộc nội? Tại sao các thái thượng hoàng không ngăn cấm hay vô hiệu hóa giá thú của ba vua này? Đành rằng ngày xưa các vua ở trên vạn dân, muốn làm gì thì làm, kể cả làm bậy, không ai dám và có thể ngăn cản, nhưng trong thời nhà Trần trên vua còn có thái thượng hoàng, có rất nhiều quyền hành, kể cả quyền truất phế vua đang trị vì nếu cần, như vua Nghệ-tông đã làm đối với Phế-đế. Nếu quả thực lệ lấy những người trong hoàng tộc là một gia pháp, giá thú của ba vua Nghệ-tông, Duệ-tông và Thuận-tông không thể vi phạm gia pháp mà không bị ngăn cấm hay vô hiệu hóa.

Mặt khác, lệ lấy những người trong họ tuy cũng vi phạm luân thường đạo lý, nhưng sự vi phạm này không trầm trọng như các vụ thông dâm, cưỡng dâm, hiếp dâm, v.v., nên, nếu cố gượng (xin nhấn mạnh là “*cố gượng*”), chúng ta vẫn có thể coi là gia pháp được. Tuy nhiên chúng ta không thể tin là các vụ thông dâm, hiếp dâm, cưỡng dâm, v.v., cũng là gia pháp của nhà Trần. Không một gia pháp nào cho phép các hành động xâm phạm đến quyền lợi, danh dự, tiết hạnh của những người chịu sự chi phối của gia pháp.

Chúng ta cũng không thể nào so sánh lệ giá thú giữa những người trong hoàng tộc Trần, mà ông Nguyễn-Toại cho là gia pháp, với gia pháp của nhà Mãn-Thanh bên Trung-quốc cấm các vua Mãn-Thanh lấy vợ người Hán tộc. Gia pháp nhà Mãn-Thanh cấm “*giá thú hợp chủng*” (xin nhấn mạnh là “*giá thú hợp chủng*”) với mục đích bảo vệ sự tinh tuyền của giòng máu chi tộc trị vì. Vua Mãn-Thanh có quyền lấy vợ Mãn-châu và cũng có thể lấy vợ là những người trong họ nhưng phải là họ xa, nghĩa là ở trong cấp bậc không bị luật lệ hay phong tục cấm đoán. Hơn nữa, gia pháp Mãn-Thanh chỉ cấm vua lấy người Hán tộc làm vợ chính, tức

là làm hoàng hậu, chứ không cấm lấy làm phi tần. Nói cách khác, gia pháp nhà Mãn-Thanh cũng cấm giá thú tộc nội. Ngược lại, căn cứ vào sử liệu, chúng ta thấy gia pháp nhà Trần, nếu quả thực là có như quan điểm của ông Nguyễn-Toại, lại cho phép giá thú tộc nội, và cả giá thú hợp chủng nữa (bằng chứng cụ thể là việc công chúa Huyền-trân lấy vua Chiêm-thành Chế-Mân).

Chúng ta lại càng không thể nói rằng hai gia pháp này giống nhau ở điểm là cả hai đã tôn một lệ làm gia pháp của một vương triều và lệ đó không phải là một tội đối với luật thường mà chính là một hành vi hợp luật. Gia pháp nhà Mãn-Thanh rất hợp pháp, vì tuy việc cấm vua Mãn-Thanh lấy vợ người Hán tộc là một sự kỳ thị chủng tộc theo quan điểm luật pháp hiện đại, nhưng dưới chế độ quân chủ chẳng những ở Trung-quốc mà còn ở hầu hết các quốc gia Đông phương thời xưa, sự cấm đoán này không vi phạm luật pháp, vì thực ra luật pháp không cấm hay trừng phạt sự kỳ thị chủng tộc. Gia pháp nhà Mãn-Thanh cũng không vi phạm luân thường đạo lý nữa. Trái lại, gia pháp nhà Trần, nếu quả có thứ gia pháp đó như chủ trương của ông Nguyễn-Toại, theo quan điểm của rất nhiều người thì trái với cả luật pháp lẫn luân thường đạo lý.

Hơn nữa, cho dù nhà Trần thực có gia pháp như quan điểm của Nguyễn-Toại, gia pháp đó không được phép đi ngược quốc pháp. Gia pháp chỉ có thể biệt lập với quốc pháp thôi chứ không thể đứng trên quốc pháp được, dù cho đó là gia pháp của một dòng họ đang cai trị nước. Đành rằng quốc pháp không thể và không có quyền sửa đổi hay cấm cản gia pháp, nhưng gia pháp vẫn phải tôn trọng các sự qui định của quốc pháp. Mọi sự vi phạm các qui định đó mà không bị trừng phạt thì trật tự quốc gia và xã hội sẽ bị đảo lộn, rối loạn và quốc pháp sẽ không còn được ai tuân theo nữa. Để tránh mọi sự hiểu lầm, danh từ "*quốc pháp*" chúng tôi dùng ở đây chỉ cả luật pháp thành văn lẫn tục lệ (vì tục lệ của một quốc gia, xã hội hay cộng đồng có giá trị ước thúc như luật pháp thành văn vậy, có khi còn mạnh hơn).

Sau hết, việc không có nho thần nào chỉ trích các vụ thông dâm và giá thú tộc nội của nhà Trần không thể giải thích bằng lý do đó là những hành vi thuộc gia pháp nhà Trần. Như trên đã nói, nếu quả có một thứ gia pháp như vậy và nếu gia pháp đó vi phạm quốc pháp thì dù không ai có quyền ngăn cấm, chắc chắn vẫn có thể có nho thần chính trực lên tiếng chỉ trích ngay, nhất là khi các việc này lại trái ngược với giáo điều Nho giáo. Nếu sử sách không hề nói tới một sự phê bình, chỉ trích nào của các nho thần thời nhà Trần, chúng ta chỉ có thể giải thích sự im lặng đó bằng lý do khác.

#### **IV. Giải Thích Đề Nghị**

Về vấn đề các vụ thông dâm và giá thú tộc nội thời nhà Trần chúng ta có hai câu hỏi chính.

### **A. Các Vụ Này Có Thường Xảy Ra Trong Dân Gian Không Hay Chỉ ở Trong Hoàng Tộc Thôi?**

Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi nghĩ rằng tuy sử sách không hề nói gì về các vụ thông dâm và giá thú tộc nội trong dân gian và cũng không hề nói tới một đạo luật hay một điều luật nào về vấn đề này, sự im lặng của sử sách không có nghĩa là các vụ này không có trong dân gian. Trái lại, chúng ta phải tin là thế nào cũng có và chắc chắn phải có.

Về sự hiện hữu của các vụ thông dâm chúng ta có thể suy luận qua luật nhà Trần trừng trị tội ngoại tình như đã nói ở đầu bài này. Ngoại tình là một trong những hình thức của thông dâm với người không phải là người phối ngẫu hợp pháp. Tình trạng này phải xảy ra rất nhiều mới có thể đưa đến việc ban hành luật đó.

Còn giá thú tộc nội trong dân gian chúng tôi tin là cũng có, mặc dù ngay từ thời thái thú quận Cửu-chân là Nhâm-Diên (kh. 29-33 SCN) người Việt đã bị ép buộc (sử sách Trung-quốc gọi là "dạy") phải theo các lễ nghi giá thú của Trung-quốc<sup>(10)</sup>, trong đó có qui tắc cấm giá thú giữa những người trong họ, tức là giá thú tộc nội. Đáng tiếc là vì thiếu chỉ điểm trong sử sách nên chúng tôi không thể viện dẫn các thí dụ để chứng minh được. Do sự thiếu sót của sử sách nên chúng ta mất tài liệu nghiên cứu về vấn đề xã hội này.

Xin mở dấu ngoặc ở đây để nêu ra một nhận xét đáng chú ý. Hai bộ **Toàn Thư** và **Cương Mục** chỉ ghi chép có một đạo luật ban hành năm 1042 đời vua Lý Thái-tông (1028-1054), theo đó kẻ nào ban đêm lẻn vào nhà người để gian dâm với vợ cả hay vợ lẽ của người ta nếu có bị người chủ nhà đánh chết ngay lúc bấy giờ thì người chủ sẽ không bị tội (**Toàn Thư**, Bản kỷ, q. 2, tờ 30b; **Cương Mục**, Chính biên, q. 3, tờ 5). Ngoài ra hai bộ sử này không hề ghi chép gì về các vụ thông dâm hay giá thú tộc nội nào khác trong thời nhà Lý.

Việc không một vụ thông dâm hay giá thú tộc nội nào trong dân gian được sử sách ghi chép có lẽ là vì ngày xưa các sử liệu đều do các sử quan biên soạn theo lệnh của vua. Vì các sử quan là quan chức do vua bổ nhiệm để làm công việc này nên mỗi khi một sử liệu nào được biên soạn xong thì phải đệ trình lên vua xin phê chuẩn. Ngoài ra, việc in và phí tổn in các sử liệu này đều do triều đình đảm nhận. Vì thế các sử liệu phần lớn dành cho việc ghi chép các sự kiện có liên quan đến dòng họ đang trị vì hay trước đó nhiều hơn. Thỉnh thoảng mới thấy ghi chép, rất vắn tắt, các sự kiện có liên quan đến dân chúng, nhưng các sự kiện này

cũng phải có liên hệ đến dòng họ trị vì hay sự cai trị của dòng họ đó. Như vậy, nếu trong dân gian có những vụ thông dâm hay giá thú tộc nội nhưng không có dính dáng gì đến dòng họ trị vì hay việc cai trị của dòng họ đó, sử sách đều không ghi chép.

Lại nữa, trải qua các triều đại, các vụ thông dâm trong dân gian chắc chắn phải có và có nhiều đến độ không sử sách nào chép nổi và các sử gia cũng không thể nào nghiên cứu cho xuể. Còn giá thú tộc nội chắc chắn cũng có nhiều, bằng chứng là giá thú tộc nội còn bị các vương triều sau nhà Trần tiếp tục ra lệnh cấm, như nhà Hậu-Lê (1428-1788) với điều 319 bộ **Quốc Triều Hình Luật** (còn gọi là **Luật Hồng-đức** hay **Luật nhà Lê**), lệ năm thứ tư niên hiệu Quang-thuận (1460-1469) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), tức năm 1463, in trong sách **Thiên Nam Dư Hạ Tập**, đoạn 277 và đoạn 280 trong **Hồng-đức Thiện Chính Thư**; và nhà Nguyễn (1802-1945) với các điều 100, 101, 102 bộ **Hoàng Việt Luật Lệ** (còn gọi là **Luật Gia-long** hay **Luật nhà Nguyễn**).

### ***B. Lý Do Nào Đã Khiến Các Vụ Thông Dâm hay Giá Thú Tộc Nội Thời Nhà Trần Không Bị Nghiêm Trị hay Chỉ Trích?***

Theo thiện ý của chúng tôi, trong thời nhà Trần, cũng như trong thời nhà Lý trước đó, Khổng giáo chưa có ảnh hưởng lớn lao sâu rộng trong xã hội Việt-nam như ở các đời sau.

Thực vậy, thời nhà Trần (và cả thời nhà Lý trước đó nữa) phải có ảnh hưởng sâu rộng nhất là Phật giáo. Các vua Trần rất sùng đạo Phật. Hầu hết các vị này sau khi trị vì một thời gian đã nhường ngôi cho con hay em để đi tu hoặc để có nhiều thì giờ nghiên cứu Phật học. Đáng kể nhất là vua Trần Nhân-tông là sơ tổ của một phái Phật giáo thuần túy Việt-nam là phái Trúc-lâm Yên-tử và một người thứ hai là Tuệ trung thượng sĩ<sup>(11)</sup>, vừa là bác vừa là thầy dạy của vua Nhân-tông, cũng là một vị học vấn uyên bác, tư tưởng cao thâm.

Ảnh hưởng của Phật giáo còn được thấy trong việc học hành thi cử. Việc học trong thời hai nhà Lý và Trần phần rất lớn nằm trong tay các tăng sĩ Phật giáo, tuy từ đời vua Lý Thánh-tông (1054-1072) trong dân gian đã có các trường dạy học của tư nhân song song với các trường do các chùa Phật giáo tổ chức và điều hành. Do đó, dù muốn hay không, việc giảng dạy Nho giáo phải chịu một phần nào ảnh hưởng của Phật giáo. Lại nữa, trong thời nhà Trần, cũng như thời nhà Lý, triều đình đã mở các khoa thi tam giáo, trong đó chẳng những là Khổng học mà cả Đạo học và Phật học cũng là đề mục chính của thi cử.

Mặt khác, tuy từ năm 1075 triều đình Lý và Trần đã mở các khóa thi tuyển nhân tài phục vụ quốc gia, số các khóa thi này quá ít ỏi. Trong 215 năm thời nhà

Lý, ngoài khóa thi đầu tiên (năm 1075) chỉ có thêm 6 khóa thi nữa thôi (các năm 1086, 1152, 1165, 1185, 1193, và 1195). Như vậy tính trung-bình cứ 21 năm mới có một khóa thi. Nếu cộng thêm cả khóa thi lại viên (tuyển các người làm việc hành chính, chứ không phải làm quan) năm 1077 thì trung-bình 18 năm một khóa. Hơn nữa, khoảng cách giữa hai khóa thi có khi là 2 năm (khoá năm 1193 và 1195), nhưng cũng có khi là 66 năm (giữa hai khóa năm 1086 và năm 1152). Từ khóa thi cuối cùng thời nhà Lý (năm 1195) đến khóa thi đầu tiên thời nhà Trần (năm 1232) cách nhau 37 năm.

Thời nhà Trần trong 175 năm có tổ chức 13 khóa thi thái học sinh hay tiến sĩ (các khóa năm 1232, 1239, 1247, 1256, 1266, 1275, 1304, 1314, 1345, 1374, 1381, 1384 và 1393), trung bình 13 năm một khóa. Khoảng cách giữa hai khóa thi có khi là 3 năm (khóa năm 1381 và 1384), có khi là 31 năm (khoá năm 1275 và 1304, khóa năm 1314 và 1345). Nếu kể các khóa thi loại khác như thi lại viên (các năm 1228, 1261, 1304, 1363, 1373, và 1392), thi tam giáo (năm 1227, 1247 và 1321), thi chọn nho sinh để vào châu hậu (năm 1236), thi con các quan văn (năm 1295), thi các sĩ nhân để sung vào các quán, các (năm 1363), thì có tất cả 25 khóa thi, trung bình 7 năm một khóa.

Xin mở một dấu ngoặc khác ở đây. Theo **Toàn Thư**, năm 1246 triều Trần định lệ thi tiến sĩ 7 năm một khóa, nhưng **Toàn Thư** lại kể các năm thi khác nhau như thấy bên trên.

Số các thí sinh lấy đỗ cũng không nhiều lắm. Thời nhà Lý, khóa 1075 lấy 10 người đỗ; khóa năm 1185 lấy 30 người, nhưng không phải để ra làm quan ngay mà là để lên kinh học. Còn các khóa khác bao nhiêu người được lấy đỗ sử sách không nói rõ.

Trong thời nhà Trần, con số người được chọn lấy đỗ sử sách cũng không nói đầy đủ. Hai khóa năm 1232 và 1239, **Toàn Thư** chỉ nói tên ba người đỗ Trạng-nguyên, Bảng-nhãn và Thám-hoa mỗi khóa. Các khóa năm 1247 lấy 51 người, khóa năm 1256 và 1266 mỗi khóa lấy 47 người; khóa năm 1304 lấy 44 người; và các khóa năm 1275, 1384 và 1393 mỗi khóa lấy 30 người. Còn các khóa khác chúng ta không rõ có bao nhiêu người lấy đỗ, tuy rằng có lúc **Toàn Thư** nói rằng trước năm 1374 mỗi khóa thi lấy 30 người đỗ thôi.

Với những con số lấy đỗ ít ỏi như vậy, chúng ta nhận thấy ngay là trong thời nhà Trần số các nho sĩ tham chính không đủ để tạo nên một ảnh hưởng sâu rộng, khiến vua quan nhà Trần phải thi hành hay tuân thủ các giáo điều Khổng giáo. Đây là chưa nói đến một điểm khác là trong thời hai nhà Lý và Trần, các nho sĩ tham chính nhiều người chưa được giao phó các chức vụ quan trọng trong guồng máy cai trị. Các chức vụ này đều nằm trong tay các người trong hoàng tộc. Vì

vậy, dù các nho sĩ tham chính có muốn làm những việc cải tổ trong nước, kể cả vấn đề giá thú, họ cũng không làm gì được.

Ngoài ra, số các nho sĩ tham chính thời nhà Trần cũng chưa lớn cho lắm vì cái học để đủ khả năng dự các kỳ thi của triều đình chưa phải là lối tiến thân duy nhất. Do đó, tiếng nói của họ cũng rất có giới hạn vì họ chưa hoàn toàn nắm được vai trò lãnh đạo dân chúng. Kết quả là các nho sĩ chân chính chưa đủ uy quyền và thế lực, nhất là không có sự yểm trợ tích cực của các nho sĩ tham chính (hay "*nho thần*", từ Nguyễn-Toại dùng) để có thể ảnh hưởng sâu đậm trong dân gian khiến họ gạt bỏ lệ giá thú tộc nội.

Lại nữa, chúng ta không nên quên là nhà Trần vốn gốc làm nghề đánh cá ở làng Tức-mặc (huyện Mỹ-lộc, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-định ngày nay). Tổ tiên nhà Trần thuộc hàng cự phú nhưng võ biên. Trước khi nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, họ không có mấy ai theo Nho học cả, cho nên họ chưa chịu ảnh hưởng nhiều về qui luật giá thú của Trung-quốc, hay nói cho đúng hơn, của Nho giáo. Ngay trong mấy triều đầu tiên, rất ít người trong hoàng tộc thuộc hàng nho sĩ. Vì vậy, giá thú tộc nội đối với họ Trần không phải là một việc gì ghê gớm hay loạn luân.

Sau hết, việc không nho thần nào chỉ trích lệ giá thú tộc nội giữa những người trong hoàng tộc Trần không phải vì lệ này là một gia pháp của dòng họ đang trị vì nên họ không dám làm gì. Thực ra, nhiều nho thần chính trực đã chỉ trích những việc làm trái quấy, chẳng hạn Chu-văn-An đã dâng sớ lên vua Trần Dụ-tông xin chém bảy người quyền thần đã gây ra chính trị bại hoại (**Toàn Thư**, Bản kỷ, q. 7, tờ 34a; **Cương Mục**, Chính biên, q. 10, tờ 28). Sở dĩ các nho sĩ không chỉ trích việc giá thú giữa những người trong họ Trần có lẽ vì, như đã nói ở một đoạn bên trên, giá thú tộc nội là một tập tục rất thông thường trong xã hội Việt-nam thời bấy giờ, nên nó không phải là một vấn đề quan trọng đáng bị phê bình, chỉ trích hay lên án.

## Chú Thích

(1) *Tức Gengis Khan. Người Trung-quốc phiên âm sang Hoa ngữ là Ch'eng-chi-szu K'e-han (hay Ch'eng-chi-szu Han) mà âm Hán-Việt đọc là Thành-cát-tư Khả-hãn (hay Thành-cát-tư Hãn); tuy nhiên, người Việt-nam quen viết là Thành-cát Tư-hãn hay Thành Cát Tư Hãn.*

(2) *Thực ra Chiêu-thánh hoàng hậu đã sinh cho vua Thái-tông một người con trai tên là Trần-Trịnh nhưng người con này vừa mới sinh đã chết ngay (năm 1233). Xem **Toàn Thư**, Bản kỷ, q. 5, tờ 8a.*

(3) Từ Hoa ngữ viết bằng Hán tự với chữ sô (= cỏ khô; cắt cỏ; người cắt cỏ) và bộ ếp (= ếp, đơn vị hành chính địa phương xưa tương đương với tỉnh ngày nay) đúng ra phải đọc là trưu (truy ưu thiết, âm trưu, vưu vận), nhưng người Việt-nam quen đọc là trâu và viết là trâu hay châu.

(4) Trần-khắc-Chung nguyên tên là Đỗ-khắc-Chung, vì có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lăng Nguyên Mông nên được ban quốc tính Trần. Chuyện tư thông giữa công chúa Huyền-trân và Trần-khắc-Chung có nhiều nghi vấn nên chưa chắc có thực.

(5) Tuy giáo sư Vũ-văn-Mẫu không nói tới, chúng ta cũng có thể cho rằng vì lý do quốc thị mà vua Đinh Tiên-hoàng (968-979) sau khi dẹp xong Loạn Thập Nhị Sứ Quân (945-967) đã dùng những hình phạt rất nghiêm ngặt để duy trì an ninh trật tự trong nước và củng cố uy quyền của vương triều mới.

(6) Phan-huy-Chú, **Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí**, q. 33, Hình Luật Chí; bản dịch Việt ngữ của: (a) Lương-thần Cao-nãi-Quang, Trường Luật khoa Đại học Sài-gòn, Sài-gòn, 1957, tr. 529; (b) Viện Sử học Việt-nam, nxb. Khoa học Xã hội, Hà-nội, 1992, tập II, tr. 291.

(7) Tên nguyên thủy của sách là **Châu Quan**, còn gọi là **Châu Quan Kinh**. Không rõ soạn giả (theo truyền thuyết, sách này do Châu-công Cơ-Đán, ? - 1105 TCN, biên soạn) và soạn niên (chỉ biết là sách, phần cuối cùng bị mất, được Hà-gian Hiến-vương, 155-129 TCN, trình lên Hán Vũ-đế Lưu-Triệt, 140-86 TCN).

(8) Ngô-sĩ-Liên chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo, luôn luôn phê bình sự việc theo nhãn quan Khổng giáo, mặc dù sự việc rất là hợp lý. Thí dụ năm 1040 vua Lý Thái-tông xuống chiếu nói rằng từ đó trở đi phàm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì, đều trao cho Khai-hoàng vương Lý-nhật-Tôn (sau kế vị làm vua, tức Lý Thánh-tông) xử đoán rồi tâu lên vua, lại cho lấy điện Quảng-vũ làm nơi vương xử kiện. Ngô-sĩ-Liên đã phê bình như sau: “Chức việc của thái tử, ngoài việc thăm hỏi hầu cơm vua ra, khi ở lại giữ nước thì gọi là giám quốc, khi đem quân đi thì gọi là Phủ quân, có thế mà thôi, chưa nghe thấy sai xử kiện bao giờ. Phàm xử kiện là việc của hữu ty. Thái tông sai Khai-hoàng vương làm việc đó không phải là chức phận của thái tử, lại lấy điện Quảng-vũ làm nơi vương xử kiện là không đúng chỗ.” (**Toàn Thư**, Bản kỷ, q. 2, tờ 29a)

(9) **Toàn Thư**, Phàm Lệ Về Việc Biên Soạn Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, quyển thứ, tờ 1a.

(10) Trước cuối thế kỷ thứ 19, ở Việt-nam cũng như ở Trung-quốc, các giá thú làm theo các nghi thức tục lệ đều có giá trị pháp lý. Các nghi thức tục lệ đó gồm có 6, gọi là lục lễ: lễ nạp thái, lễ vấn danh, lễ nạp cát, lễ nạp trưng (còn gọi là nạp tộ), lễ thỉnh kỳ, lễ thân nghinh. Việt-nam mới đầu cũng theo 6 lễ này, nhưng đến thời nhà Hậu-Lê thì giảm đi còn có 4 là: lễ nghị hôn (còn gọi là lễ chạm mặt, lễ dặm, lễ chạm ngõ), lễ định thân (còn gọi là lễ vấn danh), lễ nạp trưng (còn gọi là lễ hành sính, lễ dẫn đồ cưới, lễ ăn hỏi), lễ thân nghinh (còn gọi là lễ nghinh hôn, lễ đón dâu, lễ rước dâu).

(11) Có thuyết cho Tuệ-trung thượng sĩ là Hưng-nhượng vương Trần-quốc-Tảng, con trai thứ hai Trần Hưng-đạo; lại có thuyết cho ông là Hưng-ninh vương Trần-quốc-Tung, con trai trưởng của An-sinh vương Trần-Liễu và là anh của Trần Hưng-đạo cũng như của hoàng thái hậu Nguyễn-thánh Thiên cảm, vợ vua Trần Thánh-tông.